

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/DS-PT
Ngày 06/01/2022
V/v tranh chấp hợp đồng đặt cọc, hợp
đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chế Linh

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Trang Thư

Ông Nguyễn Văn Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Trang là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 125/2021/TLPT-DS ngày 01 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng đặt cọc, hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 61/2021/DSST ngày 06 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 201/2021/QĐ-PT ngày 10 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đỗ Thanh H1; cư trú tại số 2/11 L, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H1; cư trú tại A40P, khu vực T, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 15/6/2021).

- Bị đơn: Ông Phạm Duy C; cư trú tại số 22 P, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Ngọc Thúy H2; cư trú tại 21B V, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Ngọc Thúy H2: Ông Trần Văn A; cư trú tại số 116A T, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 04/01/2022).

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc T; cư trú tại số 14, đường số 8, khu vực B, phường B, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Ngọc T: Ông Trần Văn A; cư trú tại số 116A T, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 04/01/2022).

3. Văn phòng công chứng C.

Địa chỉ: 93 L, phường P, quận N, thành phố Cần Thơ.

4. Ông Võ Việt H2; cư trú tại 88/17 L, phường P, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của ông Võ Việt H2: Bà Nguyễn Thị H1; cư trú tại A40P, khu vực T, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 15/6/2021).

- *Người kháng cáo:*
1. Ông Phạm Duy C là bị đơn.
 2. Bà Nguyễn Ngọc Thúy H2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.
 3. Bà Nguyễn Thị Ngọc T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và bản tự khai của nguyên đơn – ông Đỗ Thanh H1 trình bày:

Ngày 31/12/2019 ông Phạm Duy C có mượn số tiền 500.000.000 đồng của ông và hẹn trong vòng 01 tháng sẽ trả lại (có làm biên nhận tay). Nhưng đến nay sau nhiều lần ông H1 yêu cầu trả tiền thì ông C trốn tránh không thực hiện. Đồng thời, vào ngày 09/6/2020 ông Phạm Duy C có thỏa thuận bán chiếc xe nhãn hiệu Mercedes-Benz C250 mang biển số 65A – 118.99 cho ông với số tiền 1.000.000.000 đồng, ông C nhận trước 700.000.000 đồng và hứa khi nào vợ chồng ông C, bà H2 ra ký hợp đồng tại phòng công chứng thì ông sẽ trả hết số tiền còn lại là 300.000.000 đồng. Nhưng sau nhiều lần ông H1 yêu cầu ông C làm thủ tục mua bán xe thì ông C không thực hiện và lẩn tránh cho đến nay.

Nay, yêu cầu Tòa án buộc ông C và bà H2 phải thực hiện tiếp tục hợp đồng mua bán chiếc xe nêu trên, nếu không tiếp tục thực hiện hợp đồng thì phải bồi thường gấp đôi số tiền là 1.400.000.000 đồng; buộc ông C trả lại số tiền đã mượn 500.000.000 đồng cùng lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 01/02/2020, đồng thời yêu cầu hủy hợp đồng mua bán xe giữa ông Phạm Duy C, bà Nguyễn Ngọc Thúy H2 với bà Nguyễn Thị Ngọc T ký kết ngày 06/01/2021,

số hợp đồng 48-Q01/2021 tại Văn phòng công chứng C, thành phố Cần Thơ, do dấu hiệu tẩu tán tài sản.

Đối với yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Ngọc T ông không đồng ý do chiếc xe đang đặt cọc nhưng ông C lại làm hợp đồng bán cho bà T là mẹ vợ của ông C nên có dấu hiệu tẩu tán tài sản. Đối với số tiền 300.000.000đồng ông Võ Việt H2 chuyển ngày 02/6/2020 là ông mượn của ông H1 để đặt cọc mua xe Mercedes-Benz C250 mang biển số 65A – 118.99, nay đã thanh toán xong không còn liên quan trong vụ kiện này. Do đó, ông C mới viết biên nhận đã nhận 700.000.000 đồng ngày 09/6/2020 với ông. Đề nghị Tòa án tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Không đồng ý đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu buộc ông Phạm Duy C tiếp tục thực hiện Hợp đồng mua bán chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mercedes-Benz C250 mang biển số 65A – 118.99. Nếu không tiếp tục thực hiện thì phải bồi thường gấp đôi số tiền là 1.400.000.000đồng, ông C không đồng ý, đối với biên nhận ngày 09/6/2020 ông xác định đúng là chữ ký và chữ viết của ông Phạm Duy C, tuy nhiên ông C chưa nhận đủ 700.000.000 đồng tiền cọc, vì số tiền sẽ được chuyển khoản sau nhưng sau đó ông C vẫn không nhận đủ, mà chỉ mới nhận được 400.000.000đồng tiền cọc. Do ông H1 không chuyển đủ số tiền nên ông H1 phải mất số tiền cọc này.

Đối với số tiền 300 triệu đồng ông Võ Việt H2 chuyển ngày 02/6/2020 là để đặt cọc mua xe Mercedes-Benz C250 mang biển số 65A – 118.99 nhưng do ông H1 không chuyển đủ tiền nên phải mất cọc, ông C và ông H1 không có văn bản gì thể hiện việc mua bán và đặt cọc mua xe hai bên chỉ thỏa thuận miệng.

Đối với số tiền 500 triệu đồng theo biên nhận ngày 31/12/2019, ông xác định đúng là chữ ký, chữ viết của ông Phạm Duy C. Ông C đã trả rồi, được cản trừ cho ông Võ Việt H2 vào việc mua bán nhà, ông C có các tin nhắn Zalo thể hiện đã cung cấp cho Tòa án.

Nay, ông C không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Với tư cách đại diện cho bà H2, bà T đề nghị Tòa án công nhận hợp đồng mua bán xe giữa ông Phạm Duy C, bà Nguyễn Ngọc Thúy H2 với bà Nguyễn Thị Ngọc T ký kết ngày 06/01/2021.

Ông Võ Việt H2 trình bày: Ông và ông Phạm Duy C, ông Đỗ Thanh H1 quen biết nhau do kinh doanh môi giới đất chung. Đối với giao dịch mua bán xe giữa ông Phạm Duy C và ông Đỗ Thanh H1 khi đó ông cũng có mặt và chứng kiến giao dịch. Việc ông C hứa bán xe cho ông H1 đã nhận cọc trước số tiền 700.000.000đồng và khi ký hợp đồng tại phòng công chứng thì ông H1 sẽ thanh toán đủ số tiền còn lại.

Đối với việc ông Phạm Duy C vay số tiền 500.000.000đồng của ông H1 thì ông không chứng kiến. Nhưng việc ông C cho rằng đây là tiền đã thanh toán cần trừ vào việc mua nhà của ông C là không đúng.

Đối với phần tiền 300.000.000 đồng ông chuyển khoản cho ông C ngày 02/6/2020 là do ông Đỗ Thanh H1 mượn của ông để đặt cọc mua xe Mercedes-Benz C250 mang biển số 65A – 118.99, ông H1 đã thanh toán lại cho ông. Do đó ông C mới viết biên nhận đã nhận 700.000.000 đồng ngày 09/6/2020 với ông H1. Đồng thời, ông yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 61/2021/DSST ngày 06 tháng 5 năm 2021, Tòa án nhân dân quận N đã tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Thanh H1.

1. Buộc bị đơn ông Phạm Duy C có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền 1.550.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng). (Trong đó: tiền vay 500.000.000 đồng, tiền cọc 700.000.000 đồng và phạt cọc 350.000.000 đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn nếu bị đơn không thanh toán số tiền trên thì bị đơn phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

2. Hợp đồng mua bán xe giữa ông Phạm Duy C, bà Nguyễn Ngọc Thúy H2 với bà Nguyễn Thị Ngọc T ký kết ngày 06/01/2021, số hợp đồng 48-Q01/2021 tại Văn phòng công chứng C, thành phố Cần Thơ vô hiệu.

3. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số: 01/2021/QĐ-BPKCTT ngày 20/01/2021 của Tòa án nhân dân quận N về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Cấm chuyển dịch quyền về tài sản đối với tài sản đang tranh chấp”. Việc hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời được thực hiện theo quy định tại Chương VIII của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Bác yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Ngọc T về việc công nhận hợp đồng mua bán xe giữa ông Phạm Duy C, bà Nguyễn Ngọc Thúy H2 với bà Nguyễn Thị Ngọc T ký kết ngày 06/01/2021.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Phạm Duy C phải chịu 58.500.000 đồng (Năm mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí.

- Bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí.

- Ông Đỗ Thanh H1 được nhận lại 35.100.000 đồng (Ba mươi lăm triệu một trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 003606, 003610 tại Chi cục thi hành án dân sự quận N.

Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các bên theo luật định.

Tại các đơn kháng cáo đề ngày 17 tháng 5 năm 2021, ông C, bà H2 và bà T cho rằng bản án sơ thẩm đã quyết định không thỏa đáng, gây thiệt hại đến quyền lợi của bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Do vậy, những người kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn thay đổi kháng cáo, yêu cầu Tòa án không chấp nhận việc phạt cọc và công nhận hợp đồng mua bán xe với bà T. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thay đổi kháng cáo, chỉ yêu cầu công nhận hợp đồng mua bán xe đã ký giữa ông C, bà H2 với bà T.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tại phiên tòa: Hoạt động tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, qua phân tích các tình tiết, sự kiện của vụ án, đại diện Viện kiểm sát cho rằng yêu cầu kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, hợp đồng mua bán xe không thỏa mãn các nội dung của hợp đồng đặt cọc. Việc mua xe của bà T không bị cơ quan có thẩm quyền ngăn chặn, hợp đồng mua bán xe được công chứng theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ đã thẩm tra cho thấy các bên tranh chấp về hợp đồng đặt cọc, hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản. Tòa án nhân dân quận N đã thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp.

[2] Biên nhận nợ ngày 31/12/2019, với số tiền vay 500.000.000 đồng, do bị đơn ký tên nên bị đơn phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho nguyên đơn. Các lý do mà bị đơn đã nêu để khấu trừ như tin nhắn zalo đã được Tòa án sơ thẩm xem xét. Qua đánh giá lại cho thấy, nội dung tin nhắn zalo không thể hiện được nội dung khấu trừ như bị đơn nêu. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn xin rút kháng cáo đối với nội dung vay tài sản này. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận lý do bị đơn nêu ra là có căn cứ.

[3] Biên nhận ngày 09/6/2020 thể hiện “ông *Phạm Duy C* có bán xe ô tô biển số 65A – 118.99 trên số tiền 1.000.000.000 đồng, có nhận trước 700.000.000 đồng của anh *Đỗ Thanh H1*, đã nhận đủ tiền.”. Nguyên đơn xác định số tiền đã đưa là tiền cọc. Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, bị đơn khai nhận chỉ nhận 400.000.000 đồng tiền cọc trong số tiền trên từ nguyên đơn. Bên cạnh đó, trong bản khai cũng như quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn cũng xác định rằng do nguyên đơn không trả tiếp số tiền còn lại nên *coi như mất tiền cọc*. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định số tiền theo biên nhận trên là tiền cọc là có căn cứ.

[4] Trong quan hệ đặt cọc, suy cho cùng, bị đơn là người có lỗi hoàn toàn vì sau cùng đến ngày 06/01/2021, bị đơn đã ký hợp đồng bán xe trên cho mẹ vợ

của mình. Việc bị đơn chỉ bị phạt cọc với số tiền 350.000.000 đồng là có lợi cho bị đơn, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 328 của Bộ luật dân sự năm 2015. Tổng số tiền mà bị đơn nhận được trong quan hệ đặt cọc là 700.000.000 đồng. Ông Võ Việt H2 và ông Đỗ Thanh H1 đều xác định số tiền 700.000.000 đồng này là của nguyên đơn. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn số tiền này là có căn cứ. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định thời điểm tính lãi trong giai đoạn thi hành án kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án là chưa chính xác, ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn thông nhất thời điểm này nên Tòa cấp phúc thẩm không điều chỉnh.

[5] Hợp đồng mua bán xe giữa ông Phạm Duy C, bà Nguyễn Ngọc Thúy H2 với bà Nguyễn Thị Ngọc T ký kết ngày 06/01/2021, số hợp đồng 48-Q01/2021 tại Văn phòng công chứng C, thành phố Cần Thơ. Tại thời điểm này không có sự ngăn chặn nào của cơ quan có thẩm quyền, không thuộc trường hợp giả tạo theo quy định tại Điều 124 Bộ luật dân sự năm 2015, không thuộc trường hợp tẩu tán tài sản theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thi hành án dân sự và khoản 11 Điều 33 Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62 vừa nêu. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng hợp đồng này vô hiệu là không đúng pháp luật.

[6] Quá trình giao kết và thực hiện hợp đồng, sau khi Công an quận N mời làm việc do nguyên đơn tố giác thì bên bán, bên mua, bên liên quan đều biết rõ xe này có tranh chấp với nguyên đơn. Lời khai của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà H2 và bà T thể hiện biết việc ông C đã bán xe này cho ông H1 trước đó. Như vậy, mặc dù biết có tranh chấp với ông H1 nhưng ông C, bà H2 và bà T vẫn tiến hành hợp đồng mua bán xe sau đó.

[7] Theo quy định tại Điều 10 Bộ luật dân sự năm 2015 thì cá nhân, pháp nhân không được lạm dụng quyền dân sự của mình gây thiệt hại cho người khác. Như đã phân tích trên, ông C, bà H2 và bà T thực hiện việc mua bán đối với chính chiếc xe ô tô mà biết rõ xe này ông C đã có ký bán cho ông H1 là gây thiệt hại cho lợi ích của ông H1. Mặc dù, hợp đồng mua bán xe giữa ông Phạm Duy C, bà Nguyễn Ngọc Thúy H2 với bà Nguyễn Thị Ngọc T ký kết ngày 06/01/2021 là có hiệu lực. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Bộ luật dân sự thì Tòa án không bảo vệ một phần quyền lợi của ông C, bà H2 và bà T.

[8] Biết trước tài sản có tranh chấp nhưng ông C, bà H2 và bà T vẫn tiến hành mua bán, gây thiệt hại cho ông H1. Để bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn trong trường hợp này thiết nghĩ cần ràng buộc điều kiện hoàn thành của hợp đồng mua bán xe giữa bị đơn và người có nghĩa vụ liên quan khi ông C thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán cho ông H1. Trong trường hợp phát sinh thiệt hại, bà T có thể khởi kiện đối với ông C theo thủ tục tố tụng dân sự.

[9] Trong quá trình giải quyết vụ án, để đảm bảo giải quyết đúng đắn vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cấm chuyển

dịch đối với tài sản tranh chấp là cần thiết. Tuy nhiên, do hợp đồng mua bán xe giữa ông C, bà H2 với bà T không bị coi là vô hiệu nên không cần thiết duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời này (có Quyết định kèm theo bản án). Tòa án chỉ tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời đã áp dụng tại giai đoạn phúc thẩm.

[10] Từ những nhận định tại các mục [5], [6] [7] và [8] nêu trên cho thấy, hợp đồng mua bán xe giữa ông C, bà H2 với bà T không bị coi là vô hiệu. Yêu cầu kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về vấn đề này được chấp nhận một phần. Hợp đồng được hoàn thành khi ông C thực hiện xong nghĩa vụ với nguyên đơn.

[11] Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được chấp nhận một phần nên có điều chỉnh về nghĩa vụ án phí sơ thẩm. Án phí dân sự phúc thẩm, người kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Sửa bản án sơ thẩm.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Buộc bị đơn ông Phạm Duy C có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền 1.550.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng).

(Trong đó: tiền vay 500.000.000 đồng, tiền cọc 700.000.000 đồng và phạt cọc 350.000.000 đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn nếu bị đơn không thanh toán số tiền trên thì bị đơn phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

Trong trường hợp bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán, nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự thực hiện thủ tục thi hành án đối với các tài sản của bị đơn (kể cả chiếc xe ô tô Mercedes Benz mang biển số 65A – 118.99) để đảm bảo thi hành án. Cơ quan thi hành án dân sự có trách nhiệm thi hành khi có đơn yêu cầu.

2. Tiếp tục duy trì các biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 03/2021/QĐ-BPKCTT ngày 11/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ về việc thay đổi biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Hủy bỏ Quyết định số 01/2021/QĐ-BPKCTT ngày 20/01/2021 của Tòa án nhân dân quận N về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Cấm chuyển dịch về tài sản đối với tài sản đang tranh chấp”.

Hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 01/2021/QĐ-BPBD ngày 20/01/2021 của Tòa án nhân dân quận N. Ông Đỗ Thanh H1 được

nhận lại tài sản bảo đảm (240.000.000 đồng) theo sổ tiết kiệm có kỳ hạn 09419202 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Phòng giao dịch An Hòa.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Ngọc T về việc yêu cầu công nhận hiệu lực Hợp đồng mua bán xe giữa ông Phạm Duy C, bà Nguyễn Ngọc Thúy H2 với bà Nguyễn Thị Ngọc T ký kết ngày 06/01/2021, số hợp đồng 48-Q01/2021 tại Văn phòng công chứng C, thành phố Cần Thơ.

Hợp đồng này được tiếp tục thực hiện kể từ thời điểm ông Phạm Duy C thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền cọc và phạt cọc (1.050.000.000 đồng) nêu trên.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Phạm Duy C phải chịu 58.500.000 đồng (Năm mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng).

- Bà Nguyễn Thị Ngọc T được nhận lại 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số AA/2019/003804 ngày 23/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N.

- Ông Đỗ Thanh H1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai số AA/2019/003610 ngày 19/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận N thành tiền án phí. Ông Đỗ Thanh H1 được nhận lại 34.800.000 (Ba mươi bốn triệu, tám trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu số AA/2019/003606 ngày 18/01/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận N.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Phạm Duy C được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng phí theo Biên lai thu số 0001074 ngày 25/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N.

- Bà Nguyễn Ngọc Thúy H2 được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng phí theo Biên lai thu số 0001073 ngày 25/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N.

- Bà Nguyễn Thị Ngọc T được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng phí theo Biên lai thu số 0001072 ngày 25/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND. TP. Cần Thơ;
- TAND quận N;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chỉ cục THADS quận N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Chế Linh

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Trang Thư – Nguyễn Văn Hải

Nguyễn Chế Linh